ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /2019/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai
Tỉnh Lào Cai
01-01-2020 14:24:50 +07:00

Người ký: Sở Tư pháp
Email: contact-stp@laocai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Lào Cai
Thời gian ký: 08.01.2020 16:07:02 +07:00

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 752/TTr-SNV ngày 16/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/01/2020 và bãi bỏ Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định đánh giá, phân loại Chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 QĐ;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Nội vụ (2b);
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Tiêu chí đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 55 /2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp loại và quy trình đánh giá, xếp loại hằng năm đối với chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây gọi chung là chính quyền địa phương ở cấp xã).

2. Đối tượng áp dụng

a) Chính quyền địa phương ở cấp xã gồm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Lào Cai;

b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định, đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm của của chính quyền địa phương ở cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở cấp xã

1. Việc đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở cấp xã nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và tăng cường công tác quản lý nhà nước của Chính quyền cơ sở; chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật công vụ; đánh giá đúng thực chất hoạt động của Chính quyền địa phương ở cấp xã trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, nhằm đánh giá đúng mức hiệu quả hoạt động của Chính quyền địa phương ở cấp xã trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và chỉ đạo của cấp trên.

3. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền địa phương ở cấp xã là tiêu chí quan trọng để bình xét thi đua - khen thưởng và đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức cấp xã.

4. Thông qua đánh giá, xếp loại khẳng định những mặt ưu điểm, những mặt còn hạn chế, yếu kém, qua đó phát huy những mặt tích cực và khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở xã, phường, thị trấn. Đồng thời làm cơ sở để giúp cho các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hoạch định cơ chế, chính sách góp phần xây dựng, củng cố Chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Việc tiến hành đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở cấp xã trên cơ sở các tiêu chí cơ bản tại Quyết định này phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác, toàn diện, dân chủ, công khai, minh bạch và phản ánh đúng tình hình thực tiễn, đặc điểm cụ thể của địa phương.

2. Đánh giá phải dựa trên kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Việc đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở cấp xã là công việc quan trọng được tiến hành hằng năm tạo động lực thi đua xây dựng Chính quyền địa phương ở cấp xã trong sạch, vững mạnh.

Chương II
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 4. Thời gian và trình tự đăng ký

1. Từ ngày 01 đến hết ngày 14/01 hằng năm, UBND cấp xã gửi bản đăng ký đến UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), trong đó ghi rõ chỉ tiêu phấn đấu theo các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm kế hoạch.

2. Từ ngày 15 đến 25/01 hằng năm, UBND cấp huyện tổng hợp đăng ký phấn đấu mức xếp loại Chính quyền địa phương của cấp xã gửi Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Ghi chú
I	**Phát triển kinh tế - xã hội**	**40**	
1	***Lĩnh vực kinh tế***	***20***	
1.1	*Sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:* - Đối với xã; - Đối với phường, thị trấn.	 *07* *03*	
a	Thực hiện các chỉ tiêu phát triển nông - lâm - ngư nghiệp đạt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra *(không được thấp hơn so với chỉ tiêu của cấp huyện giao)*, có nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả - Đối với xã; - Đối với phường, thị trấn.	 03 01	
b	Xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo đúng lộ trình, kế hoạch	02	*Chỉ tính đối với xã*
c	Chủ động ứng phó kịp thời, có hiệu quả đối với diễn biến bất lợi về thiên tai, bão lũ	02	
1.2	*Hạ tầng, đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, du lịch* - Đối với xã; - Đối với phường, thị trấn.	 *04* *08*	

a	Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt và vượt kế hoạch *(không được thấp hơn so với chỉ tiêu của cấp huyện giao)* - Đối với xã - Đối với phường, thị trấn	 01 02	
b	Giá trị thương mại - dịch vụ-du lịch đạt và vượt kế hoạch *(không được thấp hơn so với chỉ tiêu của cấp huyện giao)* - Đối với xã; - Đối với phường, thị trấn.	 01 03	
c	Khai thác sử dụng và bảo vệ tốt các công trình đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, thủy lợi... trên địa bàn.	01	*Công trình công cộng*
d	Quản lý hành chính đối với các hoạt động xây dựng (nhà ở và các công trình xây dựng khác) trong phạm vi quản lý đảm bảo đúng quy định. - Đối với xã; - Đối với phường, thị trấn.	 01 02	
1.3	*Tài chính - kế hoạch*	*04*	
a	Thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước, các loại thuế, phí và lệ phí trên địa bàn;	02	
b	Thu, chi, quyết toán ngân sách theo đúng quy định; quản lý thu, chi tài chính rõ ràng, minh bạch đúng quy định của Nhà nước;	01	
c	Triển khai thực hiện các công trình, dự án được giao thực hiện trên địa bàn theo đúng quy định.	01	
1.4	*Về tài nguyên và môi trường*	*05*	
a	Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền; tham gia hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định;	02	
b	Thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý hồ sơ địa chính; theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; phối hợp thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng tại địa phương;	01	
c	Đảm bảo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn; các hoạt động bảo vệ môi trường và vệ sinh môi trường khu dân cư được thực hiện tốt;	01	
d	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh ở thành thị đạt 95%, ở nông thôn tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90% trở lên, nước sạch đạt 50% trở lên; tỷ lệ thu gom rác thải ở khu vực nông thôn đạt 80%, các khu vực dân cư tập trung có hệ thống thu gom, tiêu thoát nước.	01	
2	***Lĩnh vực văn hóa - xã hội***	***20***	
2.1	*Giáo dục và đào tạo*	*5*	

a	Đảm bảo chỉ tiêu, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở các cấp học tiểu học, trung học cơ sở;	01	
b	Duy trì, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ở các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở;	01	
c	Trường học đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch; mạng lưới trường, lớp đạt so với kế hoạch;	02	
d	Có ít nhất 80% thanh niên đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.	01	
2.2	*Y tế và công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân*	*05*	
a	Thực hiện tốt các chương trình quốc gia về y tế; phòng, chống có hiệu quả dịch bệnh; chỉ đạo thực hiện tốt chuẩn quốc gia về y tế xã;	01	
b	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%;	01	
c	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 80%;	01	
d	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi dưới 20%;	01	
e	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95% với từ 12 loại vắc xin trở lên.	01	
2.3	*Văn hóa, thể dục, thể thao*	*05*	
a	Thực hiện đúng các quy định về xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội;	01	
b	85% thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư được công nhận danh hiệu "khu dân cư văn hóa"; 90% hộ gia đình trở lên được công nhận gia đình văn hóa;	1,5	
c	Phối hợp và thực hiện tốt công tác bảo tồn các di tích, loại hình văn hóa dân gian; duy trì phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao ở địa phương;	1,5	
d	90% thôn, bản, tổ dân phố, khu phố có nhà văn hóa kiên cố - khu thể thao.	01	
2.4	*Lĩnh vực xã hội*	*05*	
a	Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực đời sống gia đình và xã hội được thực hiện tốt;	01	
b	Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách, quy định của Nhà nước đối với gia đình chính sách, đối tượng xã hội; huy động các nguồn lực chăm sóc gia đình chính sách, đối tượng xã hội gặp khó khăn; tổ chức tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo tại địa phương;	01	
c	Tạo việc làm mới cho người lao động đạt chỉ tiêu huyện, thị xã, thành phố giao;	01	
d	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân theo kế hoạch của cấp huyện giao hằng năm; 100% hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ các chế độ, chính sách của Nhà nước theo quy định.	02	

II	**Thi hành pháp luật và Quốc phòng - An ninh**	**20**	
1	***Thi hành pháp luật***	***10***	
1.1	*Triển khai tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; pháp luật của nhà nước, của cấp trên và của địa phương.*	*02*	
a	Ban hành kế hoạch và tổ chức hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức phù hợp;	01	
b	Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã cho nhân dân địa phương theo quy định *(văn bản, chính sách, pháp luật mới, ...).*	01	
1.2	*Tổ chức lấy ý kiến của nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và lấy ý kiến nhân dân vào các nội dung theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.*	01	
1.3	*Triển khai thực hiện tốt công tác thi hành án tại địa phương; phát hiện, xử lý vi phạm hành chính kịp thời, đúng thẩm quyền.*	*01*	
1.4	*Thực hiện đúng quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch; chứng thực; công tác đăng ký, quản lý cư trú.*	*02*	
1.5	*Thực hiện nghiêm túc quy định việc tổ chức tiếp công dân, giải quyết kịp thời, có hiệu quả đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân, không để xảy ra khiếu kiện đông người, tồn đọng, kéo dài.*	*03*	
a	Duy trì, thực hiện tốt công tác tiếp công dân tại trụ sở UBND cấp xã theo quy định của Luật Tiếp công dân;	01	
b	Thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định;	01	
c	Tổ chức ít nhất 01 hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật cho nhân dân và thanh niên địa phương.	01	
1.6	*Ban hành đầy đủ và thực hiện đúng chương trình, kế hoạch về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*	*01*	
2	***Quốc phòng - An ninh***	***10***	
2.1	*Quốc phòng*	*04*	
a	Hoàn thành kế hoạch diễn tập; tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ chính sách dân quân tự vệ, quản lý lực lượng dự bị động viên theo quy định của pháp luật; làm tốt chính sách hậu phương quân đội;	01	
b	Thực hiện tốt chỉ tiêu tuyển quân, không có trường hợp bị loại trả, đào ngũ;	01	

c	Tổ chức thực hiện kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự địa phương; kế hoạch phòng thủ dân sự và các kế hoạch có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; xây dựng làng, xã chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu;	01	
d	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định của pháp luật.	01	
2.2	*An ninh*	*06*	
a	Xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, các tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật khác có hiệu quả, không để xảy ra các vụ trọng án;	02	
b	Xử lý dứt điểm các vụ việc liên quan đến lĩnh vực ANTT, các tệ nạn xã hội, xây dựng địa bàn xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự";	02	
c	Quản lý tốt các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, không để xảy ra tình trạng lợi dụng về tự do tín ngưỡng, tôn giáo gây chia rẽ, mất đoàn kết dân tộc, kích động, gây rối, bạo loạn về an ninh trật tự tại địa bàn quản lý.	02	
III	**Tổ chức và hoạt động của Chính quyền địa phương**	**15**	
1	HĐND, UBND được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đảm bảo mỗi nhiệm vụ chuyên môn có cán bộ, công chức phụ trách tham mưu, thực hiện; đảm bảo tỷ lệ nữ theo quy định.	01	
2	HĐND ban hành Quy chế hoạt động; UBND ban hành Quy chế làm việc; thực hiện đúng Quy chế đã ban hành; có chương trình công tác trọng tâm, có lịch công tác tuần; thực hiện đảm bảo chế độ hội họp, giải quyết công việc.	01	
3	Chuẩn bị và tổ chức các kỳ họp của HĐND đúng Luật, đại biểu tham dự đầy đủ các kỳ họp hoặc không tham dự nhưng có lý do chính đáng.	01	
4	Các Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.	01	
5	Có xây dựng chương trình giám sát và thực hiện đúng chức năng giám sát của HĐND theo quy định của pháp luật. Đại biểu HĐND thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tham gia tiếp xúc cử tri theo quy định.	01	
6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời.	2	
7	Bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí việc làm.	01	

8	Tác phong, lề lối và thời gian làm việc của cán bộ, công chức, được thực hiện nghiêm túc.	02	
9	Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở. Công khai, minh bạch các khoản đóng góp của nhân dân, quản lý và sử dụng có hiệu quả các khoản đóng góp.	02	
10	Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được thực hiện đảm bảo, không có khiếu kiện, khiếu nại.	01	
11	Tổ chức quản lý tốt mốc giới, bản đồ địa giới hành chính; không để các tranh chấp địa giới hành chính xảy ra; kịp thời báo cáo, phối hợp khôi phục đúng nguyên trạng các mốc địa giới hành chính bị hư hỏng, mất mát.	01	
12	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định.	01	
IV	**Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính:** *(Căn cứ kết quả đánh giá chấm điểm chỉ số cải cách hành chính từ năm trước liền kề đã được UBND cấp huyện quyết định xếp loại để tính điểm)*	**15**	
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90 - 100 điểm.	15	
2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80 đến dưới 90 điểm.	10	
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70 - dưới 80 điểm.	03	
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 70 điểm.	0	
V	**Công tác kiểm tra; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, buôn lậu,..., thực hành tiết kiệm.**	**05**	
1	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo thẩm quyền.	03	
2	Trên địa bàn không xảy ra vụ việc vi phạm liên quan đến tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, thực hành tiết kiệm…	02	
VI	**Điểm thưởng:** Tiêu chí về phát triển kinh tế - xã hội vượt so với kế hoạch; đạt được một số thành tích xuất sắc trong hoạt động thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.	**05**	
1	Tiêu chí về phát triển kinh tế - xã hội		
1.1	*Vượt trên 10% so với kế hoạch giao*	3	
1.2	*Vượt từ 5%-10% so với kế hoạch giao*	*2*	
1.3	*Vượt dưới 5% so với kế hoạch giao*	*1*	
2	Đạt được một số thành tích xuất sắc trong hoạt động thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị tại địa phương được cấp có thẩm quyền công nhận.	2	
	Tổng cộng điểm	**100**	

Điều 6. Cách chấm điểm

1. Tùy theo mức độ hoàn thành của từng tiêu chí để chấm từ 0 đến điểm tối đa theo điểm chuẩn quy định. Điểm được làm tròn 02 số sau dấu phẩy. Điểm tổng cộng là tổng điểm của từng tiêu chí và điểm thưởng nhưng tối đa không quá 100 điểm.

2. Đối với các tiêu chí có định lượng: Nếu hoàn thành từ 100% so với kế hoạch trở lên thì chấm điểm tối đa; nếu hoàn thành từ 80% đến dưới 100% so với kế hoạch thì trừ đi 1/3 số điểm của tiêu chí đó; nếu hoàn thành từ 50% đến dưới 80% so với kế hoạch thì trừ đi 2/3 điểm của tiêu chí đó; nếu hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch thì chấm không điểm.

3. Đối với các tiêu chí không định lượng được: Nếu thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng và đúng thời gian thì chấm điểm tối đa; nếu thực hiện không đầy đủ hoặc đầy đủ nhưng không đúng thời gian thì trừ đi 1/3 số điểm; nếu thực hiện không đầy đủ và không đúng thời gian thì trừ đi 2/3 số điểm; nếu không thực hiện thì chấm 0 điểm.

4. Sau khi chấm điểm theo quy định, những đơn vị nào vi phạm các nội dung sau sẽ bị trừ 05 điểm.

a) Có cán bộ, công chức vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật;

b) Để xảy ra trọng án trên địa bàn.

Điều 7. Xếp loại

1. Căn cứ vào kết quả chấm điểm của từng đơn vị để xếp loại theo 04 mức sau:

a) Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt từ 90 điểm trở lên;

b) Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt từ 75 đến dưới 90 điểm;

c) Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt từ 55 đến dưới 75 điểm;

d) Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ đối với xã, phường, thị trấn đạt dưới 55 điểm.

2. Những đơn vị nào vi phạm một trong những nội dung sau đây thì hạ 01 bậc xếp loại so với loại đạt được:

a) Nội bộ mất đoàn kết kéo dài, không được xử lý dứt điểm;

b) Vi phạm quy chế dân chủ, để xảy ra tình hình mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, để xảy ra điểm nóng;

c) Có cán bộ, công chức vi phạm bị truy tố trước pháp luật;

d) Khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, tụ tập đông người.

Chương III
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 8. Lập hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại chính quyền địa phương cấp xã

1. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện tự đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương ở đơn vị mình.

Chậm nhất ngày 12 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền đến Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội cấp xã và thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã để tham gia ý kiến trước khi gửi kết quả tự chấm điểm và hồ sơ đến UBND cấp huyện xem xét, công nhận

2. Sau khi có ý kiến của Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các thành viên Ủy ban nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, hoàn thiện, tổ chức họp với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã (thành phần họp gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) để xem xét góp ý và thống nhất cho điểm từng nội dung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 14 tháng 12 hằng năm.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xếp loại chính quyền địa phương cấp xã;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí đánh giá xếp loại Chính quyền địa phương và biểu tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại Chính quyền của đơn vị;

c) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của năm đánh giá (bản chính thức), Nghị quyết của HĐND xã, phường, thị trấn về nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng - An ninh của năm đánh giá (bản chính thức);

d) Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 5 Quy định này: Các văn bản theo quy định của pháp luật, văn bản giao nhiệm vụ; văn bản, tài liệu kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý của cơ quan có thẩm quyền và kết quả hoạt động, quản lý điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

đ) Biểu kết quả chấm điểm theo quy định tại Điều 5 quy định này, biên bản cuộc họp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 9. Thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ

1. Thẩm định hồ sơ:

a) Từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 12, Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND cấp huyện thành lập tổ thẩm định đánh giá, chấm điểm mức độ thực hiện nhiệm vụ của các xã, phường, thị trấn, thành phần gồm: Đại diện lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện và mời 01 đại diện Thường trực HĐND huyện tham gia tổ thẩm định;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quy chế làm việc của tổ thẩm định đánh giá, chấm điểm mức độ thực hiện nhiệm vụ của các xã, phường, thị trấn;

c) Phòng Nội vụ tổng hợp kết quả thẩm định đánh giá, chấm điểm mức độ thực hiện nhiệm vụ của các xã, phường, thị trấn theo các tiêu chí chấm điểm.

2. Thẩm tra, đánh giá việc chấm điểm

a) Từ ngày 21 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12, Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND cấp huyện thành lập đoàn thẩm tra, đánh giá việc chấm điểm đối với các đơn vị dự kiến xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và các đơn vị có điểm dưới 70 điểm thành phần gồm: Lãnh đạo UBND cấp huyện, Phòng Nội vụ và các phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực chấm điểm tuyệt đối và nội dung trừ nhiều điểm;

b) Tổ chức hội nghị xem xét, đánh giá, quyết định số điểm đối với Chính quyền địa phương ở cấp xã, thành phần gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện - Chủ trì; Thường trực HĐND, các Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã, Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp huyện, Trưởng phòng Nội vụ làm Thư ký *(chuẩn bị hồ sơ, nội dung cuộc họp)*;

Điều 10. Quyết định đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã

Căn cứ kết quả Hội nghị xem xét, đánh giá, quyết định số điểm đối với Chính quyền địa phương ở cấp xã, Phòng Nội vụ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí đánh giá Chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn và biểu tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chính quyền cấp xã, trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương cấp xã.

Điều 11. Báo cáo kết quả, lưu trữ hồ sơ đánh giá, xếp loại

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí đánh giá Chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn và biểu tổng hợp kết quả; quyết định đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã gửi đến Sở Nội vụ; Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; các cơ quan, đơn vị cấp huyện có liên quan; HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn trước ngày 10 tháng 01 năm sau.

2. Phòng Nội vụ huyện, thành phố, thị xã thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu đánh giá, xếp loại xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Nội vụ:

Triển khai, đôn đốc, kiểm tra các địa phương tổ chức thực hiện đánh giá xếp loại Chính quyền địa phương các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Căn cứ tiêu chí đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương cấp xã tại Điều 5 Quy định này, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện;

b) Theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời việc thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra. Tập trung chỉ đạo các xã, phường, thị trấn trong năm xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ và các tiêu chí còn đạt thấp;

c) Trong trường hợp Chính quyền địa phương cấp xã đã được công nhận xếp loại, nhưng sau đó mới phát hiện có vi phạm thì UBND cấp huyện phải xem xét, làm rõ. Nếu kết luận có vi phạm thì hủy bỏ kết quả đã công nhận và tiến hành xếp loại lại;

d) Giao Phòng Nội vụ huyện, thành phố, thị xã: Chủ trì phối hợp với các phòng, ban có liên quan tham mưu giúp UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đánh giá, xếp loại Chính quyền địa phương cấp xã theo đúng yêu cầu tại Quy định này.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này; tổ chức triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm và lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận đảm bảo thời gian theo quy định.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh các vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong